

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

2. Ông Lê Văn Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hoàng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 587/2023/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về vụ việc: “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2024/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 18, đường T, TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ 6, khu C, thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà M có mặt. Ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 07/01/2010 bà và ông T đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh lâm Đồng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì thường phát sinh mâu thuẫn lại không hợp nhau vì

tư tưởng cũng như cách sống, vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống. Đến cuối năm 2020 thì hai người không sống chung cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không ai còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với ông Bảy nên bà yêu cầu ly hôn ông Bảy.

- Về con chung: Khi ly hôn; Trường hợp 1: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu nuôi 02 con chung cháu Bùi Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2011 và cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/2015. Bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông Bùi Vạn T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu. Trường hợp 2: Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/2015, còn ông T nuôi cháu Bùi Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2011 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cháu Bùi Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2011 đang ở với ông T, do ông T chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/2015 đang ở với bà do bà chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo bị đơn ông Bùi Vạn T thì:

Ông T không trình bày ý kiến gì nộp cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho ông T. Tòa án tiến hành tổng đạt kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T. Tiến hành tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì.

* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà M yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Khi ly hôn bà M yêu cầu nuôi cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/2015 cho đến ngày con chung thành niên. Ông T nuôi cháu Bùi Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2011 cho đến ngày con chung thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M, xử cho bà Nguyễn Thị M với ông Bùi Vạn T ly hôn.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị M nuôi con chung cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/2015 cho đến ngày con chung tHnh niên. Giao ông Bùi Vạn T nuôi con chung cháu Bùi Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2011 cho đến ngày con chung tHnh niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Bùi Vạn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Bùi Vạn T đã được Toà án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Bùi Vạn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà M và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi ngày 07/01/2010. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ, không thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, mặc dù đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà M và ông T đã không sống chung với nhau từ cuối năm 2020 đến nay, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2020. Trong quá trình giải quyết Tòa án triệu tập ông T để hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện ông T không có thiện chí níu kéo cuộc hôn nhân giữa ông T và bà M. Xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông T tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông T là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông T và bà M có 02 con chung là cháu Bùi Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2011 đang ở với ông T, do ông T chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/2015 đang ở với bà M do bà M chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu được chăm sóc, học Hnh, phát triển bình thường. Mặt khác, nguyện vọng của cháu H ở với bà M nên cần giao cháu H cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyện vọng của cháu M ở với ông T nên cần giao cháu M cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M, xử bà Nguyễn Thị M với ông Bùi Vạn T ly hôn.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị M nuôi con chung cháu Bùi Thanh H, sinh ngày 13/9/2015 cho đến ngày con chung tHnh niên.

Giao ông Bùi Vạn T nuôi con chung cháu Bùi Thị Kiều M, sinh ngày 16/3/2011 cho đến ngày con chung tHnh niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị M đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003303 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi Hnh án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi Hnh án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Bùi Vạn T

có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy ban nhân dân xã N,
thị trấn phố Q, tỉnh Quảng
Ngãi (Số 01, quyển số 01,
ngày 07/01/2010;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vũ